

Professional  
Powder Equipment  
Manufacturer



Powder  
Equipment



Milling  
Technology



Powder  
Materials

# TENCAN

## Product Brochure



**DÒNG MÁY NGHIỀN BI TRỐNG**

## Máy nghiền bi dạng trống có lót

**QM**

Máy nghiền bi dạng trống có lót: vật liệu và bi nghiền được nâng lên và rơi xuống, tạo lực cắt, va đập, nghiền mạnh, dùng để nghiền, phân tán và nhũ hóa.

<https://www.labballmill.com/vi/products/grinding-series/drum-ball-mill/inner-lined-roll-ball-mill.html>

Generated at 2026-07-28 15:41:04



## Tổng quan sản phẩm

Máy nghiền bi dạng trống có lót: vật liệu và bi nghiền được nâng lên và rơi xuống, tạo lực cắt, va đập, nghiền mạnh, dùng để nghiền, phân tán và nhũ hóa.





## Giới thiệu sản phẩm

Khi máy nghiền bi có lót hoạt động, vật liệu nghiền và vật liệu trong xi lanh được nâng lên một độ cao nhất định theo chuyển động quay của xi lanh. Do trọng lực, chúng vỡ ra khỏi thành trụ và rơi dọc theo một hình parabol. Vật liệu nghiền và vật liệu lăn ở tốc độ cao trong thùng nghiền, gây ra sự cắt, va đập và lăn mạnh của vật liệu để đạt được mục đích nghiền, nghiền, phân tán và nhũ hóa vật liệu.











## Thông số kỹ thuật

| tên      | Khối lượng(L) | Tốc độ (vòng/phút) | Khả năng tải (L) | Công suất động cơ (kw) | Vật liệu thùng mài                                                                            | Kích thước hạt thức ăn (mm) | Kích thước hạt thải (lưới) | Phương pháp điều chỉnh tốc độ                           |
|----------|---------------|--------------------|------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------|
| QM-30L   | 30            | 20~60              | 10.5             | 0.75                   | thép cacbon<br>Thép không gỉ<br>Có thể lót<br>Polyurethane<br>nylon<br>PTFE<br>Corundum, v.v. | ≤5                          | ≥300                       | Điều chỉnh tốc độ chuyển đổi tần số hoặc tốc độ cố định |
| QM-50L   | 50            | 20~50              | 17.5             | 1.5                    |                                                                                               | ≤10                         |                            |                                                         |
| QM-100L  | 100           | 20~45              | 35               | 2.2                    |                                                                                               |                             |                            |                                                         |
| QM-200L  | 200           | 20~40              | 70               | 4                      |                                                                                               | ≤20                         |                            |                                                         |
| QM-300L  | 300           | 20~38              | 105              | 5.5                    |                                                                                               |                             |                            |                                                         |
| QM-500L  | 500           | 20~36              | 175              | 7.5                    |                                                                                               |                             |                            |                                                         |
| QM-1000L | 1000          | 20~34              | 350              | 11                     |                                                                                               |                             |                            |                                                         |
| QM-2000L | 2000          | 20~34              | 700              | 22                     |                                                                                               |                             |                            |                                                         |

\*Lưu ý: 25-50L là 220V một pha, trên 50L là 380V ba pha

1. Mô tả mẫu: QM-(Khối lượng)-(Loại A điều chỉnh tốc độ, loại B thông thường) Ví dụ: QM-50-A là máy nghiền bi lăn điều chỉnh tốc độ 50L;
2. Xác định model máy dựa vào khối lượng nghiền ;
3. Chọn bể chứa máy nghiền bi (hoặc lớp lót bể chứa máy nghiền bi khác nhau) và bi nghiền bằng các vật liệu khác nhau tùy theo đặc tính của vật liệu. ;
4. Bạn có thể chọn thiết bị có thiết bị đỡ hàng tự động và che bụi.

## Tính năng sản phẩm

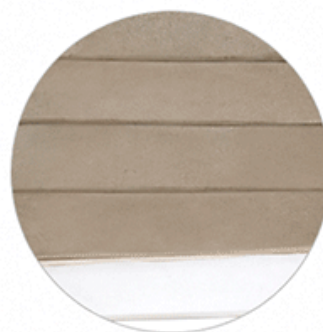
1. Máy vận hành êm ái, hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng và độ ồn thấp.;
2. Nó có thể được sử dụng để mài khô hoặc ướt, có thể xử lý các vật liệu có độ cứng khác nhau và có thể được sử dụng để mài hoặc trộn vật liệu thô hoặc mịn. ;
3. Với máy đỡ hàng tự động, vật liệu và bóng có thể được tách tự động, giúp việc xả hàng trở nên thuận tiện ;
4. Sử dụng áo khoác bảo vệ, chất liệu có độ tinh khiết cao và ít ô nhiễm ;
5. Chống mài mòn, hiệu quả mài cao ;
6. Có thể sử dụng thép hợp kim, thép không gỉ, polyurethane chịu mài mòn cao, gốm corundum, zirconia và các lớp lót khác. Mô hình có thể được lựa chọn từ 25-2000L theo đầu ra của người dùng.



Alumina Lining



Polyurethane Lining



Zirconia Lining

## Phụ kiện và tùy chỉnh

### Phụ kiện

Bình nghiền, bộ phận gia nhiệt, giá đỡ mẫu, mô-đun điều khiển và các phụ kiện phù hợp khác có thể được chọn theo cấu hình sản phẩm.

### Tùy chỉnh

Về điện áp, công suất, kích thước buồng, nhiệt độ quy trình hoặc yêu cầu ứng dụng, vui lòng liên hệ TENCAN để có cấu hình phù hợp.